

Bản án số: 187/2020/DS-ST

Ngày: 08/9/2020

Vv: “*Tranh chấp hợp đồng*

*Vay tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Lê Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Kim Hồng;

2. Ông Ngô Hữu Quang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Xuân Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:**  
Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/09/2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2020/DSST ngày 03 tháng 06 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 157/2020/QĐHPT-DS ngày 18 tháng 08 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S;

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, 266-268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Bích Thanh T, sinh năm 1980.

(Văn bản ủy quyền số: 632/2020/UQ-TTT ngày 18/05/2020) – Có mặt

*Bị đơn:* Ông Tô Đình C, sinh năm 1971;

Địa chỉ: 793/58/4 Tổ A, Khu phố B, phường H, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện; Các bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và tại phiên toà thì nội dung vụ án được xác định như sau:*

*Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có bà Nguyễn Bích Thanh T là đại diện hợp pháp trình bày:*

Ngày 07/07/2009, ông Tô Đình C có ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông C, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50,000,000 (Năm mươi triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 128,264,150 (Một trăm hai mươi tám triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn một trăm năm mươi) đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Tô Đình C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 155,238,081 (Một trăm năm mươi lăm triệu hai trăm ba mươi tám ngàn không trăm tám mươi một) đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước.
- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.
- Các khoản phí và / hoặc lãi trong kỳ.
- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.
- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Cụ thể:

Tổng phí đã thanh toán đến 15/04/2014	11,658,420
Tổng lãi trong hạn đến 15/04/2014	50,194,624
Gốc đã thanh toán đến 15/04/2014	93,385,037
Gốc còn lại	34,879,113

Do ông Tô Đình C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 16/04/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 34,879,113 đồng sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 08/09/2020, ông Tô Đình C còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 34,879,113 (Ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn một trăm mười ba) đồng.

- Lãi quá hạn: 87,663,310 (Tám mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm mười) đồng.

- Tổng cộng: 122,542,423 (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm hai mươi ba) đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông C, yêu cầu ông C có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông C trả nợ, tuy nhiên ông C vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Tô Đình C phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/09/2020 là: 122,542,423 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm hai mươi ba đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 34,879,113 (Ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn một trăm mười ba) đồng

- Lãi quá hạn: 87,663,310 (Tám mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm mười) đồng

2. Ông Tô Đình C có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 09/09/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Tô Đình C vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến, không có văn bản trình bày ý kiến.

### **Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:**

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195,

196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng năm 2015.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện bị đơn ông Tô Đình C phải trả số tiền con nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ Tín Dụng, thì đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông Tô Đình C cư trú tại địa chỉ: Số 793/58/4 Tổ A, Khu phố B, phường H, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **[2] Về hình thức**

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Tô Đình C các văn bản tố tụng của Tòa án tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[3] Về các yêu cầu của đương sự:**

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn ông Tô Đình C:

Xét, Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/7/2009 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S đã chấp thuận Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và cấp cho ông Tô Đình C một thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S với hạn mức tín dụng tại thời điểm mở thẻ là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 128,264,150 (Một trăm hai mươi tám triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn một trăm năm mươi) đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là: 155,238,081 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Căn cứ Bảng sao kê tóm tắt thẻ tín dụng của ông C. Tính đến ngày 08/09/2020 ông Tô Đình C còn nợ Ngân hàng TMCP S tổng cộng số tiền là: 122,542,423 (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm hai mươi ba) đồng, trong đó số tiền nợ gốc: 34,879,113 ( Ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn một trăm mười ba) đồng, lãi quá hạn: 87,663,310 (Tám mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm mười) đồng.

Xét, theo quy định của pháp luật:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay “*bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”.

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*

+ Căn cứ Điểm d Khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định:

“Điều 98. Hoạt động ngân hàng của ngân hàng thương mại

...

d) Phát hành thẻ tín dụng....”

+ Xét, Cam kết của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng của ông Tô Đình C với Ngân hàng TMCP S “Tôi/chúng tôi xác nhận rằng tôi/chúng tôi đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện của thẻ tín dụng S chi phối việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng S mà nó cùng với mẫu đơn này tạo nên một hợp đồng ràng buộc về mặt pháp lý giữa chính tôi/chúng tôi và Đơn vị Phát hành thẻ cho việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng S Visa. Tôi/chúng tôi chịu trách nhiệm đối với những nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ tín dụng mà tôi/chúng tôi đã được cấp...”

+ Xét, Điều 26 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S quy định: “Bằng việc thông báo bằng văn bản hoặc bằng bất cứ phương thức nào khác gửi đến cho Chủ thẻ, Đơn vị phát hành có thể vào bất kỳ lúc nào và bất kỳ lý do gì mà mình cho là phù hợp, sửa đổi, thay thế hoặc bổ sung các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng, bao gồm việc thay đổi hạn mức của Chủ thẻ và những sửa đổi này sẽ ràng buộc Chủ thẻ trừ khi Chủ thẻ phải phản đối bằng cách biểu lộ ý định chấm dứt hợp đồng theo điều kiện được quy định trong Điều khoản 13 trong vòng 5 ngày từ ngày nhận được thông báo”.

+ Xét, Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S quy định: “Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán...”

Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện 1 hoặc nhiều hành động sau:

- Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ.
- Tiến hành áp dụng 1 hoặc nhiều biện pháp để thu hồi nợ kể cả việc khởi kiện...”

Xét, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Tô Đình C. Tuy nhiên ông Tô Đình C không đến tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn ông Tô Đình C đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S buộc bị đơn ông Tô Đình C phải thanh toán tổng cộng số tiền tính đến ngày 08/09/2020 là: 122,542,423 (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm hai mươi ba) đồng, trong đó số tiền nợ gốc: 34,879,113 (Ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn một trăm mười ba) đồng, lãi quá hạn: 87,663,310 (Tám mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm mười) đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

### [3.2] Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn ông Tô Đình C phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, bị đơn ông Tô Đình C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

**[3.3] Về tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm:**

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn ông Tô Đình C phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/7/2009 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho đến khi thi hành án xong.

Căn cứ Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S quy định: “Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán...”

Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện 1 hoặc nhiều hành động sau:

- Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ.
- Tiến hành áp dụng 1 hoặc nhiều biện pháp để thu hồi nợ kể cả việc khởi kiện...”

Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3.4.] Về án phí:**

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng các Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

**Xử:**

[1] Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Tô Đình C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Tô Đình C phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tổng cộng tính đến ngày 08/09/2020 là: 122,542,423 (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm hai mươi ba) đồng, trong đó số tiền nợ gốc: 34,879,113 (Ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn một trăm mười ba) đồng, lãi quá hạn: 87,663,310 (Tám mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm mười) đồng.

Trả ngay 01 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Kể từ ngày 09/09/2020, bị đơn ông Tô Đình C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/7/2009 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/7/2009 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Tô Đình C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.127.121 (Sáu triệu một trăm hai mươi bảy ngàn một trăm hai mươi một) đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là 2.908.000 (Hai triệu chín trăm lẻ tám ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0032542 ngày 03/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.



Bị đơn ông Tô Đình C được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký và đóng dấu)**

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKS ND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Đường sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Xuân Duyên).

**Đào Lê Anh**